

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **14/2018/HNGĐ-ST**
Ngày 27/4/2018
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH THANH HÓA

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ

Các hội thẩm nhân dân:

+ Ông Lê Minh T - Cán bộ hưu trí xã V;

+ Ông Thiệu Khắc Y - Phó chủ tịch MTTQ huyện N

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Liên - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa:

Ông Đỗ Anh Q - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2018/TLST-HNGĐ ngày 22/02/2018 về việc “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2018/QĐXX-ST ngày 11/4/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1987; vắng mặt

Địa chỉ: Thôn M, xã N, huyện N, Thanh Hóa

Bị đơn: Anh Vũ Văn H, sinh năm 1979; vắng mặt

Quê quán: Thôn C, xã H, huyện G Tỉnh Thanh Hóa.

Hiện nay đang chấp hành án tại: Phân trại số 3, Trại giam P - Tổng cục VIII, Bộ Công an.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/02/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh Vũ Văn B quen nhau và tìm hiểu nhau trong khoảng thời gian một năm thì tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn vào ngày 04 tháng 6 năm 2008 tại UBND xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được 4 tháng thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do

vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Đến tháng 10 năm 2008 anh B phạm tội, mức án phạt 17 năm tù và hiện đang chấp hành án tại phân trại số 3, Trại giam P. Cũng từ tháng 10 năm 2008 chị về bên ngoại ở thôn M, xã N sinh sống và từ đó vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Chị đi làm ăn xa, mỗi khi về chị vẫn đi thăm gặp anh B, nhưng vợ chồng không có quan hệ sinh lý. Hiện nay tình cảm không còn, mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh B.

Về con chung: Chị và anh B có 01 con chung là Vũ Trần Minh P, sinh ngày 04/10/2008; hiện nay đang ở với chị, khi ly hôn chị xin được nuôi con, không yêu cầu anh B cấp dưỡng

Về tài sản và nợ chung: chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Ngày 23/3/2018 tại phân trại số 3, Trại giam P anh Vũ Văn B trình bày:*

Về hôn nhân: Anh và chị H về chung sống với nhau hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn năm 2008. Sau khi về chung sống, vợ chồng hạnh phúc được bốn tháng thì anh phạm tội và đi chấp hành án 17 năm tù. Cũng từ đó tình cảm vợ chồng xa cách. Chị H đi làm ăn xa, một năm vợ chồng gặp nhau một lần, thời gian thăm gặp, vợ chồng không quan hệ sinh lý. Tình cảm vợ chồng dành cho nhau không còn. Anh đang còn phải chấp hành án trong thời gian dài nên anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị H có 01 con chung là Vũ Trần Minh P, sinh ngày 04/10/2008, hiện nay con đang ở với chị H. Khi ly hôn chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh không có điều kiện cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và công nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hai bên đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Lý do chị H xin vắng mặt vì công việc đi làm ăn xa không thể đến Tòa án tham gia phiên tòa xét xử được, anh Vũ Văn B có đơn xin xét xử vắng mặt vì đang phải chấp hành án trong trại giam.

**Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên:* Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật tại Điều 48 và Điều 49 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, khoản 1 Điều 228 và Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) chấp nhận yêu cầu của chị H được ly hôn với anh B. Về con giao cho

chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh B không cấp dưỡng. Về án phí: Chị H chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

{1}. Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị H và anh Vũ Văn B có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt chị H, anh B theo khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố Tụng dân sự.

{2}. Về nội dung:

- Xác định quan hệ pháp luật: Hôn nhân giữa chị Trần Thị H và anh Vũ Văn B dựa trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn số: 77 ngày 04/6/2008 tại UBND xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa là hôn nhân hợp pháp.

Đánh giá về thực trạng quan hệ vợ chồng: Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Anh B vi phạm pháp luật phải chấp hành án thời gian dài. Trong thời gian từ tháng 10/2008 cho đến nay, chị H đi làm ăn xa, vì trách nhiệm nên hàng năm về nghỉ tết, chị có đi thăm anh B được một lần, mỗi lần đi thăm vợ chồng không quan hệ sinh lý vì tình cảm vợ chồng không còn. Về phía anh B xác định hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, thời gian anh phải chấp hành án còn dài, không thể đem lại hạnh phúc cho chị H nên cũng đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy: Mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hòa thuận, hạnh phúc, bền vững nhưng giữa anh B và chị H không có được điều đó, đến nay anh chị đều xác định tình cảm không còn, nên áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận đơn yêu cầu, chị H được ly hôn anh B là phù hợp thực trạng mâu thuẫn vợ chồng.

Về con chung: Chị H và anh B có 01 con chung là Vũ Trần Minh P, sinh ngày 04/10/2008. Khi ly hôn anh chị thống nhất: Giao con cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh B không có điều kiện cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến các đương sự phù hợp thực tế và phù hợp nguyện vọng cháu Minh P, không trái quy định pháp luật, nên chấp nhận.

- Về tài sản và nợ chung: Chị H, anh B không yêu cầu nên không xét.

{3}. Về án phí: Chị H khởi kiện vụ án xin ly hôn nên phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn yêu cầu: Chị Trần Thị H được ly hôn anh Vũ Văn B

2. Về con chung : Giao cháu Vũ Trần Minh P, sinh ngày 04/10/2008 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng anh B có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) chị H đã nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Thanh Hóa theo Biên lai thu số AA/2015/0006570 ngày 22/02/2018; chấp nhận chị H đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt anh B, chị H. Anh B, chị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện N;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Cơ quan THADS huyện N;
- UBND xã M;
- Lưu: hồ sơ, vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Huệ

